TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HSST
Ngày: 28/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tòng Văn Tọt**

Ông **Lường Văn Hưởng**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thế Lục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên toà: Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở UBND xã Ă, huyện M, tỉnh Điện Biên. TAND huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2017/TLST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXXST-HS, ngày 15/12/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1980; tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; ĐKHKTT: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Lò Văn K; Sinh năm 1943; Con bà: Lò Thị A, Sinh năm: 1945; Bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ bị cáo là Lò Thị Q, Sinh năm 1986; Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; Tiến sự: không; Tiền án: 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người bị hại:**

1. Họ và tên: Lò Thị M, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Tổ D, Thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

2. Họ và tên: Lường Văn T, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Bản X1, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

3. Họ và tên: Lò Văn T1, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Bản X1, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

4. Họ và tên: Cà Văn H, sinh năm 1987

Người được anh H ủy quyền tham gia tố tụng là chị Tòng Thị B , sinh năm 1992

Cùng cư trú tại: Bản B, xã Ă, huyện M, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Họ và tên: Nguyễn Đình L, tên gọi khác Nguyễn Minh D, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện M1, tỉnh Sơn La. (*Có mặt tại phiên tòa*)

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Số N, tổ D1, phường M, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

3. Họ và tên: Vì Thị T2, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Đội V, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

NHẬN THẤY

Bị cáo Lò Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do lười lao động và muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên Lò Văn N đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để bán hoặc cầm cố lấy tiền phục vụ nhu cầu của bản thân và làm phương tiện đi lại. Với phương thức, thủ đoạn xảo quyệt, N đã lợi dụng đêm tối, lúc vắng người hoặc sơ hở của chủ sở hữu tài sản rồi một mình lén lút, bí mật lấy trộm 4 xe mô tô có tổng giá trị 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng) của nhiều người trên nhiều địa bàn của tỉnh Điện Biên, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào sáng ngày 08/6/2017, tại bản N, xã N, huyện D, trên đường đi chơi Lò Văn N phát hiện thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu đỏ, biển kiểm soát 27U1 – 028.36, trị giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng) của chị Lò Thị M, sinh năm 1973, trú tại Tổ D, Thị trấn Đ, huyện D, dựng ở cạnh đường không có người trông coi, N đã dùng chìa khóa mang theo mở ổ khóa điện nổ máy điều khiển xe đi về nhà của mình rồi tháo biển kiểm soát ra thay bằng biển kiểm soát 27N1 - 032.63 mà trước đó N nhặt được tại khu vực Bản P, xã N1, huyện Đ.

Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ, ngày 08/8/2017, sau khi đi đánh cá về đến bờ hồ P thuộc bản Đ, xã P, huyện Đ, Lò Văn N nhìn thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α, màu sơn đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 27B1 – 164.07, trị giá 10.000.000đ (mười triệu đồng) của anh Lường Văn T, sinh năm 1974, trú tại Bản X1, xã P, huyện Đ, quan sát xung quanh thấy không có người N dùng chìa khóa mang theo mở ổ khóa điện của xe rồi nổ máy điều khiển xe đi vào trong rừng cách đó khoảng 02 kilômét cất giấu. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, N đến lấy chiếc xe đi xuống huyện M1, tỉnh Sơn La chơi, trên đường đi N mở cốp xe kiểm tra thì phát hiện thấy bên trong có 01 giấy đăng ký xe máy, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lường Văn T, N thay

ảnh của mình vào trong chứng minh nhân dân rồi đi đến hiệu sửa xe máy của anh Nguyễn Đình L (tên gọi khác Nguyễn Minh D), sinh năm 1992, tại bản C, xã C, huyện M1 và nói dối anh L để cầm cố xe lấy tiền đưa người nhà đi cấp cứu. Do không kiểm tra kỹ và thấy xe có đầy đủ giấy tờ và chứng minh nhân dân, đồng thời không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên anh L đã đồng ý cho N thế chấp xe để vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Toàn bộ số tiền này N tiêu xài hết vào việc cá nhân, còn giấy chứng minh thư của anh T thì N không nhớ rõ để ở đâu.

Lần thứ ba: Khoảng 20 giờ, ngày 19/8/2017 sau khi đi đánh cá về đến bờ hồ P thuộc bản Đ, xã P, huyện Đ, Lò Văn N nhìn thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α, màu sơn xanh, biển kiểm soát 27B1 – 354.01, trị giá 10.000.000đ (mười triệu đồng) của anh Lò Văn T1, sinh năm 1986, trú tại Bản X1, xã P, huyện Đ, quan sát xung quanh không có người và thấy ổ khóa điện của xe đã hỏng chỉ có dây nối nguồn điện ở bên ngoài nên N nối dậy điện rồi nổ máy điều khiển xe đi đến khu rừng thuộc bản K, xã P, huyện Đ cất giấu. Khoảng 02 ngày sau, N đến lấy xe đi về nhà rồi tháo biển kiểm soát, thay bằng biển kiểm soát 27U1 - 028.36 của xe máy đã trộm cắp được của chị Lò Thị M, còn chiếc biển kiểm soát 27B1 – 354.01 thì N không nhớ rõ đã để ở đâu.

Lần thứ tư: Ngày 28/8/2017 Lò Văn N điều khiển xe mô tô đã trộm cắp được của chị Lò Thị M và được thay bằng biển kiểm soát 27N1 - 032.63, đi từ nhà mình đến nhà anh Bạc Cầm T3, sinh năm 1969, trú tại bản B, xã Ă, huyện M để chơi và gia đình anh T3 đều không biết xe máy đó là tài sản do phạm tội mà có. Đến khoảng 08 giờ ngày 29/8/2017, N gửi xe lại nhà anh T3 và không nói là đi đâu rồi đi bộ ra dọc đường Quốc lộ 279 thuộc địa phận bản P, xã Ă, huyện M, tỉnh Điện Biên thì nhìn thấy 03 chiếc xe mô tô đang dựng ở cạnh đường, quan sát xung quanh thấy không có người nên N đi đến chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α, màu sơn vàng, bạc, đen, biển kiểm soát 27Y1 – 016.35, trị giá 10.000.000đ (mười triệu đồng), của anh Cà Văn H, sinh năm 1987, trú tại bản B, xã Ă, huyện M, N dùng chìa khóa mang theo mở ổ khóa điện rồi nổ máy điều khiển xe đi thẳng về nhà mình ở bản X, xã P, huyện Đ. Đến sáng ngày 30/8/2017, N mở cốp chiếc xe để kiểm tra thì nhìn thấy bên trong cốp xe có giấy đăng ký xe máy mang tên chủ sở hữu là Cà Văn H, sau đó N điều khiển xe mô tô đi xuống hiệu cầm đồ của chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1957, trú tại tổ D1, phường M, TP. Đ, tỉnh Điện Biên để cầm cố và nói dối chị Q1 tên là Cà Văn H và quên không mang theo giấy chứng minh thư và giấy phép lái xe, do tin tưởng đồng thời không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên chị Q1 đồng ý cho N thế chấp xe mô tô biển kiểm soát 27Y1 – 016.35 để vay số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng). Toàn bộ số tiền này N đã tiêu xài cá nhân hết, còn chiếc chìa khóa dùng để mở ổ khóa điện của nhiều xe mô tô thì N không nhớ đã bỏ đi ở đâu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng đã thu giữ được toàn bộ số tài sản do bị cáo trộm cắp và một số giấy tờ liên quan, hiện đã trả lại cho đại diện gia đình các bị hại. Các bị hại đều không có yêu cầu và đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Tại bản các kết luận định giá tài sản ngày 29/9/2017 và ngày 27/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Tại thời điểm tháng 9/2017 giá trị thành tiền VNĐ của chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, BKS 27Y1-016.35 là 10.000.000đ (mười triệu đồng);

- Tại thời điểm tháng 10/2017 giá trị thành tiền VNĐ của 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, BKS 27B1-164.07 là 10.000.000đ (mười triệu đồng);

- Tại thời điểm tháng 10/2017 giá trị thành tiền VNĐ của chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, BKS 27U1-028.36 là 7.000.000đ (bảy triệu đồng);

- Tại thời điểm tháng 10/2017 giá trị thành tiền VNĐ của chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, BKS 27B1-354.01 là 10.000.000đ (mười triệu đồng);

Tổng giá trị 04 chiếc xe mô tô là 37.000.000đ *(ba mươi bảy triệu đồng)*.

Ngày 29/9/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Lò Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS.

Tại cáo trạng số: 61/QĐ-VKS-HS ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Lò Văn N về tội " trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5 điều 138 điểm p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS 1999. Xử phạt Lò Văn N từ 34 tháng đến 36 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*** Vật chứng**: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự 1999; điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị Vì Thị T2 01 biển kiểm soát xe máy 27N1 - 032.63; Trả lại cho bị cáo 01 chiếc tua vít có chiều dài 18 cm, cán nhựa cầm màu vàng chiều dài 10cm, đầu tua vít bằng kim loại màu trắng một đầu dẹt, một đầu có bốn cạnh; 01 ba lô bằng vải màu đen, loại ba ngăn, giữa các ngăn có khóa kéo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng đã trao trả 04 chiếc xe máy do bị cáo chiếm đoạt cho những người bị hại.

*** Trách nhiệm dân sự:** Căn cứ khoản 1 Điều 42 BLHS, các Điều 584, Điều 585, 586, 589 BLDS: Buộc bị can phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Q1 số tiền 9.000.000đ *(chín triệu đồng)*; trả lại cho anh Nguyễn Đình L số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*.

*** Án phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo N nhất trí nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo và nội dung bản luận tội, bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lò Văn N đã khai và công nhận: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 6/2017 đến ngày 29/8/2017 tại địa bàn các huyện D, huyện Đ, huyện M của tỉnh Điện Biên, Lò Văn N lợi dụng sự sơ hở và thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản đã lén lút, bí mật trộm cắp của: Chị Lò Thị M 01 chiếc xe mô tô trị giá 7.000.000 đồng, của anh Lò Văn T 01 chiếc xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng, của anh Lò Văn T1 01 chiếc xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng, của anh Cà Văn H 01 chiếc xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng. Tổng giá trị 04 chiếc xe mô tô là 37.000.000đ *(ba mươi bảy triệu đồng)*. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 61/QĐ-VKS-HS, ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản với mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền một cách nhanh chóng, thoả mãn cho nhu cầu của bản thân, bị cáo N đã chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 37.000.000đ *(ba mươi bảy triệu đồng)*. Hành vi của bị cáo N đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS, điều luật quy định: "1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".* Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Lò Văn N về tội " trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Văn N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi vi phạm của mình nhưng vẫn cố tình thực hiện, vì vậy phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm mà bị cáo gây ra.

Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội, mà mức cao nhất của khung hình phạt đến ba năm tù. Vì vậy buộc bị cáo phải chịu hình phạt tương ứng theo quy định tại khoản 3 điều 8 BLHS.

Xét về hậu quả hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra thấy rằng, tài sản do bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an và an toàn trên địa bàn dân cư.

Xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Lò Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên, được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 9/12, sau đó học chuyên nghiệp tại Trường Cao đẳng sư phạm tỉnh Điện Biên. Từ năm 2004 đến năm 2013 là giáo viên tiểu học. Năm 2004 Kết hôn với chị Lò Thị Q và sinh được 02 người con. Năm 2015 ly hôn với chị Lò Thị Q. Ngày 01/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 30/12/2016 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống. Đến nay bị cáo chưa được xóa án tích. Từ tháng 6/2017 đến tháng 8/2017 Bị cáo đã bốn lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 29/9/2017 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng lập hồ sơ khởi tố, bắt tạm giam về tội: "Trộm cắp tài sản". Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm sở hữu nói riêng. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS 1999.

Bị cáo bốn lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đều có trị giá trên hai triệu đồng; khi thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"phạm tội nhiều lần, tái phạm*" qui định tại điểm g khoản 1 điều 48 của BLHS 1999.

*** Về hình phạt bổ sung**: Bị cáo N với nghề nghiệp là làm ruộng, ngoài ra không có nguồn thu nhập nào khác nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

*** Vật chứng**: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS về xử lý vật chứng vụ án: Trả lại cho chị Vì Thị T2 01 biển kiểm soát xe máy 27N1 - 032.63; Trả lại cho bị cáo 01 chiếc tua vít có chiều dài 18 cm, cán nhựa cầm màu vàng chiều dài 10cm, đầu tua vít bằng kim loại màu trắng một đầu dẹt, một đầu có bốn cạnh; 01 ba lô bằng vải màu đen, loại ba ngăn, giữa các ngăn có khóa kéo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy việc Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng đã trao trả 04 chiếc xe máy do bị cáo chiếm đoạt cho những người bị hại theo đúng qui định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Đình L (tên gọi khác Nguyễn Minh D), chị Nguyễn Thị Q1 và anh Bạc Cầm T3 là những người đã nhận cầm cố xe mô tô của N và cho N gửi nhờ xe mô tô nhưng quá trình điều tra đã xác minh làm rõ là họ đều không biết đó là những tài sản do N trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử lý.

*** Trách nhiệm dân sự:**

- Những người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi ,nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh L và chị Q1 có đơn yêu cầu bị cáo trả lại số tiền do bị cáo cầm số xe máy**.** Căn cứ khoản 1 Điều 42 BLHS, các Điều 584, Điều 585, 586, 589 BLDS: Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Q1 số tiền 9.000.000đ *(chín triệu đồng)* do bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô BKS 27Y1-016.35; trả lại cho anh Nguyễn Đình L số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng)* do bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô BKS 27B1-164.07.

*** Án phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn N phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999. Xử phạt bị cáo Lò Văn N 34 (ba mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 29/9/2017.

2. Vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS: Trả lại cho chị Vì Thị T2, nơi cư trú: Đội V, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 01 biển kiểm soát xe máy 27N1 - 032.63; Trả lại cho bị cáo 01 chiếc tua vít có chiều dài 18 cm, cán nhựa cầm màu vàng chiều dài 10cm, đầu tua vít bằng kim loại màu trắng một đầu dẹt, một đầu có bốn cạnh; 01 ba lô bằng vải màu đen, loại ba ngăn, giữa các ngăn có khóa kéo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. (*theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/12/2017 của cơ quan Công an huyện Mường Ảng và cơ quan Thi hành án huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên)*.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 BLHS, các Điều 584, Điều 585, 586, 589 BLDS:

Buộc bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Q1, nơi cư trú: Số N, tổ D1, phường M, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên số tiền 9.000.000đ *(chín triệu đồng)* do bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô BKS 27Y1-016.35;

Buộc bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Đình L, nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện M1, tỉnh Sơn La số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng)* do bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô BKS 27B1-164.07;

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Phiên tòa kết thúc cùng ngày bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.Mường Ảng;
- Công an h.Mường Ảng;
- Chi cục THADS h.Mường Ảng;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương